

Bài 23

CƠ CẤU DÂN SỐ

I – CƠ CẤU SINH HỌC

1. Cơ cấu dân số theo giới

Cơ cấu dân số theo giới biểu thị tương quan giữa giới nam so với giới nữ hoặc so với tổng số dân. Đơn vị tính bằng phần trăm (%).

$$T_{NN} = \frac{D_{nam}}{D_{nữ}}$$

Trong đó : T_{NN} : Tỷ số giới tính

D_{nam} : Dân số nam

$D_{nữ}$: Dân số nữ

Cơ cấu dân số theo giới biến động theo thời gian và khác nhau ở từng nước, từng khu vực. Ở những nước phát triển, nữ nhiều hơn nam ; ngược lại, ở các nước đang phát triển, nam nhiều hơn nữ. Nguyên nhân chủ yếu là do trình độ phát triển kinh tế – xã hội, do tai nạn, do tuổi thọ trung bình của nữ thường cao hơn nam và do chuyển cư. Cơ cấu theo giới có ảnh hưởng đến phân bố sản xuất, tổ chức đời sống xã hội và hoạch định chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia.

Khi phân tích cơ cấu theo giới, người ta không chỉ chú ý tới khía cạnh sinh học, mà còn quan tâm tới khía cạnh xã hội như vị thế, vai trò, quyền lợi, trách nhiệm của giới nam và giới nữ.

Cơ cấu dân số theo giới có ảnh hưởng như thế nào đến việc phát triển kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của các nước ?

2. Cơ cấu dân số theo tuổi

Cơ cấu dân số theo tuổi là sự tập hợp những nhóm người sắp xếp theo những nhóm tuổi nhất định. Trong dân số học, cơ cấu dân số theo độ tuổi có ý nghĩa quan trọng vì nó thể hiện tổng hợp tình hình sinh, tử, tuổi thọ, khả năng phát triển dân số và nguồn lao động của một quốc gia.

Trên thế giới người ta thường chia dân số thành ba nhóm tuổi.

- Nhóm dưới tuổi lao động : 0 – 14 tuổi.
- Nhóm tuổi lao động : 15 – 59 tuổi (hoặc đến 64 tuổi).
- Nhóm trên tuổi lao động : 60 tuổi (hoặc 65 tuổi) trở lên.

Theo Luật lao động ở Việt Nam, tuổi lao động được quy định đối với nam từ 15 đến hết 59 tuổi, với nữ từ 15 đến hết 54 tuổi.

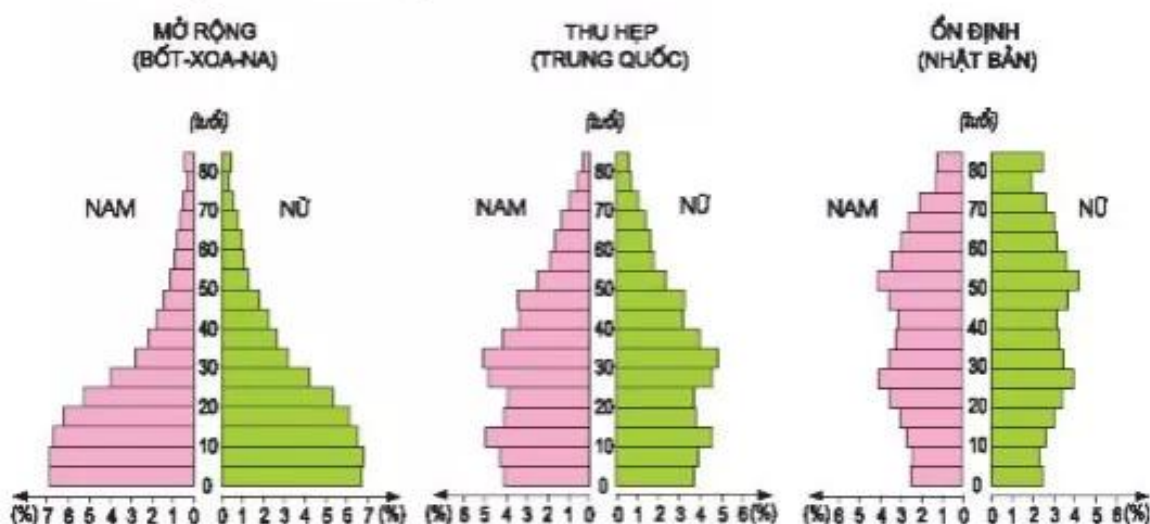
Người ta cũng có thể phân biệt những nước có dân số trẻ và dân số già dựa vào bảng sau :

Nhóm tuổi	Dân số già (%)	Dân số trẻ (%)
0 – 14	< 25	> 35
15 – 59	60	55
60 trở lên	> 15	< 10

Cơ cấu dân số già và cơ cấu dân số trẻ có những thuận lợi và khó khăn gì đối với việc phát triển kinh tế – xã hội ?

Để nghiên cứu cơ cấu sinh học, người ta thường sử dụng tháp dân số (hay tháp tuổi).

Nhìn chung có ba kiểu tháp dân số cơ bản sau :



Hình 23.1 – Các kiểu tháp dân số cơ bản

+ *Kiểu mở rộng* (Bốt-xoa-na) : đáy tháp rộng, đỉnh tháp nhọn, các cạnh thoải thoải ; thể hiện tỉ suất sinh cao, trẻ em đông, tuổi thọ trung bình thấp, dân số tăng nhanh.

+ *Kiểu thu hẹp* (Trung Quốc) : tháp có dạng phình to ở giữa, thu hẹp về hai phía đáy và đỉnh tháp ; thể hiện sự chuyển tiếp từ dân số trẻ sang dân số già, tỉ suất sinh giảm nhanh, nhóm trẻ em ít, gia tăng dân số có xu hướng giảm dần.

+ *Kiểu ổn định* (Nhật Bản) : tháp có dạng hẹp ở phần đáy và mở rộng hơn ở phần đỉnh ; thể hiện tỉ suất sinh thấp, tỉ suất tử thấp ở nhóm trẻ nhưng cao ở nhóm già, tuổi thọ trung bình cao, dân số ổn định cả về quy mô và cơ cấu.

II – CƠ CẤU XÃ HỘI

1. Cơ cấu dân số theo lao động

Cơ cấu dân số theo lao động cho biết nguồn lao động và dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

a) Nguồn lao động

Nguồn lao động bao gồm bộ phận dân số trong độ tuổi quy định có khả năng tham gia lao động. Nguồn lao động được chia làm hai nhóm :

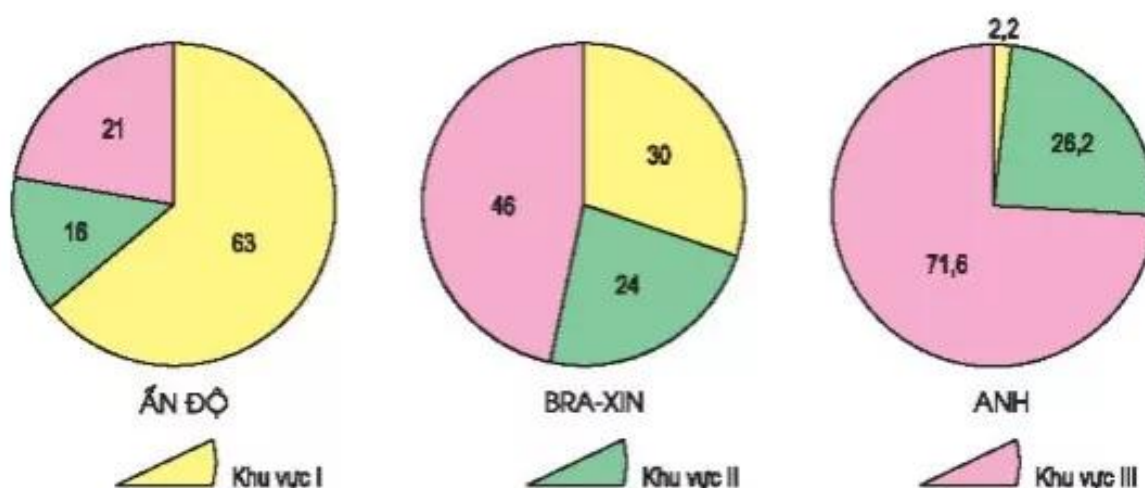
– Nhóm dân số hoạt động kinh tế bao gồm những người có việc làm ổn định, có việc làm tạm thời và những người có nhu cầu lao động nhưng chưa có việc làm.

– Nhóm dân số không hoạt động kinh tế bao gồm học sinh, sinh viên, những người nội trợ và những người thuộc tình trạng khác không tham gia lao động.

b) Dân số hoạt động theo khu vực kinh tế

Hiện nay trên thế giới đang phổ biến cách phân chia các hoạt động kinh tế làm ba khu vực : khu vực I (nông – lâm – ngư nghiệp), khu vực II (công nghiệp và xây dựng), khu vực III (dịch vụ).

Dựa vào hình 23.2, em hãy so sánh cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của ba nước.



Hình 23.2 – Biểu đồ cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của Ấn Độ, Bra-xin và Anh, năm 2000 (%)

2. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá

Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá phản ánh trình độ dân trí và học vấn của dân cư đồng thời cũng là một tiêu chí đánh giá chất lượng cuộc sống của một quốc gia. Để xác định cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá người ta thường dựa vào số liệu thống kê tỉ lệ người biết chữ (từ 15 tuổi trở lên) và số năm đi học của những người từ 25 tuổi trở lên.

Bảng 23. TỈ LỆ BIẾT CHỮ (TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN) VÀ SỐ NĂM ĐẾN TRƯỜNG (TỪ 25 TUỔI TRỞ LÊN) TRÊN THẾ GIỚI, NĂM 2000

Các nhóm nước	Tỉ lệ người biết chữ (%)	Số năm đi học
Các nước phát triển	> 90	10,0
Các nước đang phát triển	69	3,9
Các nước kém phát triển	46	1,6

Việt Nam năm 2000 có 94% số người từ 15 tuổi trở lên biết chữ, số năm đến trường là 7,3 năm.

Ngoài ra còn có các loại cơ cấu dân số khác như : cơ cấu dân số theo dân tộc, tôn giáo, mức sống...

Câu hỏi và bài tập

1. Hãy trình bày cơ cấu dân số theo giới tính và độ tuổi.

Tại sao trong cơ cấu dân số thì cơ cấu dân số theo giới tính và độ tuổi là hai loại cơ cấu quan trọng nhất trong sự phát triển kinh tế – xã hội của một quốc gia ?

2. Có những kiểu tháp dân số cơ bản nào ? Hãy mô tả các kiểu tháp dân số đó.

3. Cho bảng số liệu :

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA MỘT SỐ NƯỚC, NĂM 2000

Tên nước	Chia ra (%)		
	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Pháp	5,1	27,8	67,1
Mê-hi-cô	28,0	24,0	48,0
Việt Nam	68,0	12,0	20,0

Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của Pháp, Mê-hi-cô và Việt Nam năm 2000. Nhận xét.